

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý
và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 396/2024/TLST-HNGĐ
ngày ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Hà Minh T, sinh năm 1995;

Căn cước công dân số 086095007007, cấp ngày 06/11/2022.

Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên hệ: Số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình
Dương.

2. Chị Vũ Thị Thủy T1, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số 075193009435, cấp ngày 10/5/2021.

Nơi thường trú: Số H, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hà Minh T và chị Vũ Thị Thủy T1 tự nguyện kết hôn được Ủy ban
nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày
19/6/2017. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,
đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách không
phù hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Hai bên đã cố
gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị T1 và anh T thống nhất

yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] *Về con chung*: Anh Hà Minh T và chị Vũ Thị Thủy T1 có một con chung là cháu Hà Duy K, sinh ngày 13/01/2018. Khi ly hôn, anh T và chị T1 thỏa thuận giao cháu K cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị Thủy T1 tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Hà Minh T không yêu cầu.

Việc thỏa thuận nuôi dưỡng nuôi con chung của các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 107 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Hà Minh T và chị Vũ Thị Thủy T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Anh Hà Minh T và chị Vũ Thị Thủy T1 tự nguyện chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận việc hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Minh T và chị Vũ Thị Thủy T1.

- *Về con chung*: Giao cháu Hà Duy K, sinh ngày 13/01/2018 cho anh Hà Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời chị Vũ Thị Thủy T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Hà Minh T không yêu cầu.

Chị Vũ Thị Thủy T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Anh Hà Minh T và chị Vũ Thị Thủy T1 mỗi người phải chịu số tiền lệ phí việc dân sự 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng),

tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí các đương sự đã nộp theo Biên lai thu số 0007923 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; anh **Hà Minh T** và chị **Vũ Thị Thủy T1** đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi Cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số **42/2017**);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đào Thị Kiều Vân